

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2026 của UBND xã Sơn Cẩm Hà)

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán (bao gồm số chuyển nguồn năm trước sang và số bổ sung, điều chỉnh trong năm)								Quyết toán								So sánh (%)					
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả lãi vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả lãi vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi nộp trả NS cấp trên	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên						Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên						
A	B	1=2+...+6	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=10+...+14	10	11	12	13	14=15+16	15	16	17	18	19=9/1	20	21	
I	TỔNG SỐ	162.574.550.988	5.015.901.000	148.983.861.988	-	-	8.574.788.000	8.574.788.000	6.699.226.003	173.781.427.382	4.452.996.000	138.743.568.647	-	-	15.022.977.284	8.567.125.000	6.455.852.284	460.012.450	15.101.873.001	106,89	88,78	93,13	
	Chi đầu tư phát triển	13.590.689.000	5.015.901.000	-	-	-	8.574.788.000	8.574.788.000	-	13.020.121.000	4.452.996.000	-	-	-	8.567.125.000	8.567.125.000	-	-	-	95,80	88,78	-	
	Phòng Kinh tế	13.590.689.000	5.015.901.000	-	-	-	8.574.788.000	8.574.788.000	-	13.020.121.000	4.452.996.000	-	-	-	8.567.125.000	8.567.125.000	-	-	-	95,80	88,78	-	
II	Chi thường xuyên	148.983.861.988	-	148.983.861.988	-	-	-	-	6.699.226.003	144.734.085.931	-	138.278.233.647	-	-	6.455.852.284	-	6.455.852.284	-	-	-	97,15	-	92,81
1	Văn phòng Đảng uỷ	6.325.049.828	-	6.325.049.828	-	-	-	-	-	5.222.768.636	-	5.222.768.636	-	-	-	-	-	-	-	-	82,57	-	82,57
2	UBMT TQVN	5.809.164.210	-	5.809.164.210	-	-	-	-	126.000.000	5.922.753.930	-	5.796.753.930	-	-	126.000.000	-	126.000.000	-	-	101,96	-	99,79	
3	VP UBND-HĐND	9.587.783.395	-	9.587.783.395	-	-	-	-	88.322.423	9.579.422.418	-	9.491.099.995	-	-	88.322.423	-	88.322.423	-	-	99,91	-	98,99	
4	Phòng Kinh tế	42.777.791.232	-	42.777.791.232	-	-	-	-	5.793.181.080	45.057.448.957	-	39.460.648.596	-	-	5.596.800.361	-	5.596.800.361	-	-	105,33	-	92,25	
5	Phòng Văn hoá - XH	22.976.409.095	-	22.976.409.095	-	-	-	-	622.780.000	18.158.142.999	-	17.582.265.999	-	-	575.877.000	-	575.877.000	-	-	79,03	-	76,52	
6	TT hành chính công	610.550.676	-	610.550.676	-	-	-	-	-	608.063.487	-	608.063.487	-	-	-	-	-	-	-	99,59	-	99,59	
7	Trung tâm cung ứng DVSN công	3.483.251.552	-	3.483.251.552	-	-	-	-	68.942.500	2.826.145.204	-	2.757.292.704	-	-	68.852.500	-	68.852.500	-	-	81,14	-	79,16	
8	Trường MG Tuổi Thơ (MG Tiên Sơn cũ)	2.949.949.000	-	2.949.949.000	-	-	-	-	-	2.949.949.000	-	2.949.949.000	-	-	-	-	-	-	-	100,00	-	100,00	
9	Trường MG Tiên Hà	3.732.784.000	-	3.732.784.000	-	-	-	-	-	3.732.784.000	-	3.732.784.000	-	-	-	-	-	-	-	100,00	-	100,00	
10	Trường MG Tiên Châu	4.058.462.000	-	4.058.462.000	-	-	-	-	-	4.058.462.000	-	4.058.462.000	-	-	-	-	-	-	-	100,00	-	100,00	
11	Trường MG Tuổi Thơ (MG Tiên Cẩm cũ)	2.909.279.000	-	2.909.279.000	-	-	-	-	-	2.909.279.000	-	2.909.279.000	-	-	-	-	-	-	-	100,00	-	100,00	
12	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	5.092.812.000	-	5.092.812.000	-	-	-	-	-	5.090.307.000	-	5.090.307.000	-	-	-	-	-	-	-	99,95	-	99,95	
13	Trường TH Nguyễn Cỏ (TH Tiên Hà cũ)	5.736.879.000	-	5.736.879.000	-	-	-	-	-	5.736.879.000	-	5.736.879.000	-	-	-	-	-	-	-	100,00	-	100,00	
14	Trường TH Tiên Châu	7.892.400.200	-	7.892.400.200	-	-	-	-	-	7.841.000.200	-	7.841.000.200	-	-	-	-	-	-	-	99,35	-	99,35	
15	Trường TH &THCS Nguyễn Du	8.778.451.000	-	8.778.451.000	-	-	-	-	-	8.777.902.000	-	8.777.902.000	-	-	-	-	-	-	-	99,99	-	99,99	
16	Trường THCS Lê Cơ	4.417.776.200	-	4.417.776.200	-	-	-	-	-	4.417.708.500	-	4.417.708.500	-	-	-	-	-	-	-	100,00	-	100,00	
17	Trường THCS Nguyễn Trãi	6.774.056.400	-	6.774.056.400	-	-	-	-	-	6.774.056.400	-	6.774.056.400	-	-	-	-	-	-	-	100,00	-	100,00	
18	Trường THCS Lê Hồng Phong	5.041.013.200	-	5.041.013.200	-	-	-	-	-	5.041.013.200	-	5.041.013.200	-	-	-	-	-	-	-	100,00	-	100,00	
19	Các đơn vị khác bằng lệnh chi tiền	30.000.000	-	30.000.000	-	-	-	-	-	30.000.000	-	30.000.000	-	-	-	-	-	-	-	100,00	-	100,00	
III	CHI TRẢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY									-													
IV	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH									-													
V	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP TẠO NGUỒN CQT									465.335.000		465.335.000											
VI										-													
VII	CHI BỔ SUNG CƠ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP									-													
VIII	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN									460.012.450								460.012.450					
IX	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM		-							15.101.873.001									15.101.873.001				

Ghi chú: Tổng số dự toán và quyết toán chi của các đơn vị bao gồm cả số ghi thu, ghi chi